Mẫu số 40-DS
NQ01/2017/NQ-HĐTP
13/01/2017

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU

Số: 19/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Than Uyên, ngày 12 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2019/ TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu 8, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn B1, sinh năm 1976

Địa chỉ: Cẩm Trung 3, xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của B1 luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 B1 luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị B và anh Đỗ Văn B1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị B và anh Đỗ Văn B1 thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị B và anh B1 có hai con chung tên là tên là Đỗ Đức Toàn, sinh ngày 25/01/2009 và Đỗ Việt Đức, sinh ngày 21/11/2013. Chị Nguyễn Thị B và anh Đỗ Văn B1 thỏa thuận như sau:

+ Chị Nguyễn Thị B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Đỗ Việt Đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

+ Anh Đỗ Văn B1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Đỗ Đức T cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị B và Anh B1 không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho các đương sự cho đến khi các bên có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Chị B và anh B1 có quyền yêu cầu nhau cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Sau khi ly hôn chị B và anh B1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị B và anh B1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) chị B và anh B1 mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị là để chị B nộp toàn B1 án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị B đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0003583 ngày 25/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí. Chị B được hoàn trả lại 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TA tỉnh;
- VKS huyện TU;
- THA huyện TU;
- Chi cục THA dân sự huyện
- UBND xã Mường Than;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương